TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/12/2023
V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Xuân Thiều
2. Bà Lương Thị Thu An

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ 8, ấp An Hòa, xã T, huyện Q, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Ngô V, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 13, ấp 3A, P. M, thị xã C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần N và ông Ngô V chung sống với nhau vào năm 2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc chung sống là tự nguyện.

Từ khi vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu nhưng đến tháng 7/2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Hiện nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết

Tại đơn bản tự khai ngày 07/11/2023 bị đơn ông Ngô V trình bày:

Ông Ngô V và chị Trần N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2022, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Quá trình chung sống giữa ông V và chị Ninh xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà N thì ông đồng ý vì ông V nhận thấy lục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Trần N, ông Ngô V xin xét xử vắng mặt
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành phát biểu ý kiến.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy đinh pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy:

Bà N và ông V chung sống với nhau vào năm 2022 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy ông bà thường xuyên mâu thuẫn và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng.

Căn cứ Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bà Trần N được ly hôn với ông Ngô V.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn bà Trần N, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về

việc "*Ly hôn*" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông Ngô V có địa chỉ cư trú tại P. M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tung: Nguyên đơn bà Trần N và bị đơn ông Ngô V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Bà N và ông V tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

[4.2] Bà N cho rằng quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do cuộc sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống bà N yêu cầu được ly hôn với ông V. Ông V cũng thống nhất với bà N về việc vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn do cuộc sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N, ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà N, cho bà N được ly hôn với ông V.

[4.3] Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có và không yêu cầu xem xét giải quyết

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn bà Trần N phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Trần N được ly hôn với ông Ngô V

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Trần N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012529 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- UBND xã T, huyện H
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ung Thị Ngọc Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Xuân Thiều **Nguyễn Việt Thành** **Ung Thị Ngọc Thanh**